BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 7251 /BC-BNN-VP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019*

BÁO CÁO
Kết quả công tác tháng 9, Quý III/2019 và nhiệm vụ công tác tháng 10, Quý IV/2019

Chín tháng đầu năm, ngành nông nghiệp tiếp tục phát huy hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khơi thông các nguồn lực cho phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trước những khó khăn, thách thức chung về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, ngành nông nghiệp còn chịu tác động lớn bởi diễn biến thời tiết gây hạn hán, lũ lụt ở một số nơi (Tây Nguyên, Bắc và Nam Trung Bộ); dịch tả lợn châu Phi bùng phát và diễn biến phức tạp; khó khăn về thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường Trung Quốc... Bộ đã khẩn trương chỉ đạo tập trung sản xuất, hạn chế thiệt hại. Nhờ vậy, 9 tháng đầu năm, toàn ngành đã đạt được những kết quả khả quan. Theo số liệu ước tính sơ bộ của Tổng cục Thống kê, giá trị sản xuất toàn ngành 9 tháng tăng ***2,24%*** so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nông nghiệp tăng 0,76% (trồng trọt tăng 1,29%, chăn nuôi giảm 0,6%), lâm nghiệp tăng 4,0%, thuỷ sản tăng 6,13%, tốc độ tăng GDP ngành NLTS 9 tháng đạt 2,02%. Kết quả cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ.

Trong tháng 9/2019, Bộ đã tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Theo dõi tình hình thu hoạch lúa Hè Thu, Mùa các tỉnh phía Bắc; tình hình thu hoạch lúa Hè Thu, gieo cấy lúa Thu Đông và vụ Mùa các tỉnh phía Nam; tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô; chỉ đạo các tỉnh ĐBSCL tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh bạc lá, đen lép hạt; tiếp tục theo dõi sát sao, chỉ đạo các biện pháp quyết liệt khống chế bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, tăng cường các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất gia cầm, gia súc ăn cỏ đảm bảo nguồn cung thực phẩm; chuẩn bị tái đàn, mở rộng quy mô đàn lợn ở các vùng, các cơ sở có đủ điều kiện chăn nuôi ATSH; tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng; triển khai xây dựng quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia; đôn đốc trồng rừng theo kế hoạch, thực hiện công tác kiểm soát chất lượng giống cây lâm nghiệp; xây dựng Kế hoạch thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác hướng dẫn Luật Thủy sản 2017; tăng cường các biện pháp quản lý đồng bộ, khắc phục tình trạng giá cá tra nguyên liệu tiếp tục giảm sâu; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh ĐBSCL; tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các giải pháp nhằm gỡ "Thẻ vàng" của EC. Tập trung ứng phó với 02 cơn áp thấp nhiệt đới và mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt vùng trũng và khu đô thị; đôn đốc các địa phương xử lý cấp bách các sự cố đê điều, sạt lở bờ sông,

bờ biển; chỉ đạo chuẩn bị triển khai công tác phòng, chống xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020; tăng cường công tác đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước trong mùa mưa, lũ; tiếp tục thực hiện việc tổ chức các Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tại một số vùng miền; hoàn thành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018- 2020; tiếp tục triển khai các biện pháp mở cửa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, nhất là theo dõi sát sao và tháo gỡ khó khăn nhằm đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc; ban hành Kế hoạch (8 bước) để triển khai Nghị định thư về xuất khẩu sản phẩm sữa của Việt Nam sang Trung Quốc.

Trong tháng, Bộ trưởng và các đồng chí Thứ trưởng đã chủ trì trên 70 Hội nghị, cuộc họp, làm việc với các đơn vị, địa phương, tiếp khách trong nước và quốc tế. Trong đó, đã chủ trì và tham dự một số Hội nghị quan trọng như: Hội nghị Phát triển chăn nuôi lợn và gia cầm an toàn sinh học các tỉnh phía Nam, phía Bắc; Hội nghị tổng kết 10 năm Chương trình NTM khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, khu vực Nam Bộ; Hội nghị "Đánh giá kết quả sản xuất vụ Đông năm 2018 và và triển khai kế hoạch vụ Đông năm 2019 các tỉnh phía Bắc"; Hội nghị phát triển xuất khẩu nông thủy sản sang thị trường Trung Quốc; Hội nghị Bàn giải pháp thúc đẩy chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2019; Hội nghị tổng kết 15 năm ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020; Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới" ngành Nông nghiệp và PTNT…

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÁNG 9, QUÝ III/2019.

1. Kết quả sản xuất, kinh doanh.

a) Trồng trọt

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt 9 tháng đạt khoảng 318,4 nghìn tỷ đồng, tăng 1,29% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù, thời tiết diễn biến phức tạp đã gây bất lợi cho một số loại cây trồng, nhưng Bộ và các địa phương đã chủ động chuyển dịch cơ cấu diện tích cây trồng theo hướng giảm diện tích cây lúa *(giảm khoảng 83,3 nghìn ha, chủ yếu chuyển đổi sang mô hình cây trồng hiệu quả và nuôi trồng thủy sản; chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp phục vụ quá trình đô thị hóa, xây dựng các công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng; một số diện tích ảnh hưởng do hạn hán, lũ lụt,...)*, tăng diện tích cây màu và cây ăn quả,..

Sản lượng cây trồng 9 tháng đầu năm cơ bản tăng so với cùng kỳ năm 2018; ngoại trừ Lúa giảm 1,4% (giảm 460 nghìn tấn[1]), ngô giảm 1,2% (giảm 35,6 nghìn tấn); sản lượng các loại cây trồng tăng, đặc biệt là cây ăn quả (thanh long tăng 24,2%, bưởi tăng 7,5%, xoài tăng 1,9%) và một số cây trồng lâu năm (điều tăng 6,9%, cao su tăng 4,6%, hồ tiêu tăng 2,4%). Cụ thể:

[1]Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, dự kiến sản lượng 3 vụ ĐX, HT và Mùa sẽ giảm 460 nghìn tấn (vụ đông xuân giảm 133,1 nghìn tấn; hè thu giảm 197 nghìn tấn và lúa mùa Đồng bằng sông Cửu Long giảm 129,8 nghìn tấn). Sản lượng lúa giảm chủ yếu là giảm diện tịch giao trồng (83,3 nghìn ha).

Lúa: Cả nước đã gieo cấy được 7.356 nghìn ha lúa, giảm 83,3 nghìn[2] ha so với cùng kỳ; đã thu hoạch được 5.305,7 nghìn ha, tăng 48,5 nghìn ha; sản lượng đạt 32,26 triệu tấn, giảm 460 nghìn tấn.

Vụ Đông xuân: Đã thu hoạch xong 3.123,9 nghìn ha (tăng 21,8 nghìn ha so với vụ Đông xuân năm 2018), năng suất bình quân đạt 65,5 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 20,47 triệu tấn, giảm 133,1 nghìn tấn so với vụ Đông xuân năm trước.

Vụ hè thu: Diện tích gieo cấy đạt 2.009,3 ha, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước[3]; đã thu hoạch được 1.859 nghìn ha; năng suất ước đạt 54,7 tạ/ha, tăng nhẹ; sản lượng ước đạt 11,01 triệu tấn, giảm 197 nghìn tấn.

Vụ mùa: Đã gieo cấy được 1.558 nghìn ha lúa mùa, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2018; thu hoạch được 219,2 nghìn ha tại phía Bắc, năng suất đạt khoảng 50,3 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha, sản lượng đạt 1,1 triệu tấn.

Vụ thu đông: Do nước lũ năm nay lên muộn và chậm nên tiến độ xuống giống nhanh hơn cùng kỳ. Các tỉnh vùng ĐBSCL xuống giống được 607,1 nghìn ha, tăng 4,0% so với cùng kỳ.

Rau, màu: Đã gieo trồng được 960,9 nghìn ha ngô, giảm 3,3% so với cùng kỳ; 110,6 nghìn ha khoai lang, giảm 2,0%; 169,7 nghìn ha lạc, giảm 4,0%; 43,9 nghìn ha đậu tương, giảm nhẹ 4,6%; 978,7 nghìn ha rau đậu, tăng 1,7%.

Cây lâu năm: 9 tháng, tổng diện tích ước đạt 3.519,3 nghìn ha, tăng 2,2% so cùng kỳ. Nhóm cây ăn quả đạt 1.028,0 nghìn ha, tăng 7,5%; nhóm cây lấy quả chứa dầu đạt 177,9 nghìn ha, tăng 3,9%; nhóm cây công nghiệp đạt 2.205,5 nghìn ha, giảm 1,0%; nhóm cây gia vị dược liệu đạt 49,2 nghìn ha, giảm 5,2%. Cụ thể:

Cây ăn quả: Một số loại cây ăn quả chính có diện tích và sản lượng tăng, như: cây có múi (cam, quýt, bưởi) với diện tích đạt 210,2 nghìn ha (tăng 9,1%), sản lượng tăng khá cao (cam đạt 472,8 nghìn tấn, tăng 10,4%; bưởi đạt 433,9 nghìn tấn, tăng 7,5%); Thanh long 58,3 nghìn ha (tăng 9,7%), sản lượng đạt 788,8 nghìn tấn (tăng 24,2%); Xoài đạt 103,9 nghìn ha (tăng 7,8%), sản lượng đạt 716,8 nghìn tấn (tăng 1,9%); nhóm Nhãn, vải, chôm chôm đạt 163,6 nghìn ha (tăng 0,9%), sản lượng chôm chôm đạt 308,2 nghìn tấn (tăng 2,9%), nhãn đạt 485,8 nghìn tấn (tăng 0,6%); riêng, sản lượng vải đạt 255,1 nghìn tấn, giảm 34,4%.

Cây công nghiệp: Điều tăng cả diện tích và sản lượng (300,6 nghìn ha, tăng 1,0% và 284,9 nghìn tấn, tăng 6,9%); cao su đạt 948,9 nghìn ha (giảm 1,8%) nhưng sản lượng đạt 823,8 nghìn tấn (tăng 4,6%); hồ tiêu đạt 142,8 nghìn ha (giảm 6,2%), sản lượng đạt 261,1 nghìn tấn (giảm 0,6%); diện tích chè búp tương đương năm 2018 (124,8 nghìn ha), sản lượng đạt 828,1 nghìn tấn (tăng 2,8%); cà phê đạt 688,3 nghìn ha (tăng 0,2%);

---

[2] Vụ Mùa giảm 61,4 nghìn ha; vụ Hè Thu giảm 43,7 nghìn ha; Đông xuân tăng 21,8 nghìn ha.

[3] Diện tích lúa hè thu giảm do 20,7 nghìn ha chuyển sang trồng cây hằng năm khác và cây lâu năm; 3,3 nghìn ha chuyển sang NTTS; 7,4 nghìn ha diện tích không sản xuất do ảnh hưởng của nắng nóng, khô hạn.

b) Chăn nuôi

Trước tình hình Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 63 tỉnh, thành phố đã phải tiêu hủy 5,23 triệu con lợn với trọng lượng 301 nghìn tấn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành chăn nuôi. Toàn ngành đã phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm soát dịch bệnh; hướng dẫn người chăn nuôi đẩy mạnh sản xuất một số vật nuôi chủ lực khác, đặc biệt là gia cầm; đồng thời có kế hoạch tái đàn tại những vùng chưa có dịch, đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học. Nhờ vậy, chăn nuôi trâu, bò, gia cầm phát triển khá tốt, bù đắp cho sự sụt giảm cung thịt lợn, ổn định thị trường.

Giá trị sản xuất của lĩnh vực chăn nuôi 9 tháng ước đạt 132,9 nghìn tỷ, giảm 0,6% so với cùng kỳ. Sản lượng các sản phẩm chăn nuôi đều tăng (trừ lợn), như: sản lượng thịt trâu đạt 70,5 nghìn tấn, tăng 3,1%; thịt bò đạt 264,9 nghìn tấn, tăng 4,2%; thịt gia cầm đạt 931,4 nghìn tấn, tăng 13,5%; trứng đạt 9,2 tỷ quả, tăng 10,0%, thịt lợn giảm 9,0%.

c) Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp 9 tháng đang ở mức ổn định, giá trị sản xuất đạt 31,66 nghìn tỷ đồng, tăng 4,0%. Đến nay, các tỉnh phía Bắc đang gấp rút triển khai trồng rừng cuối vụ, các tỉnh phía Nam đã bước vào giai đoạn trồng rừng chính vụ. Tính chung 9 tháng, rừng trồng tập trung đạt gần 176,5 nghìn ha, giảm 5,4% so với cùng kỳ[4]. Trồng cây phân tán đạt 60,7 triệu cây, giảm 2,8%. Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ tăng trưởng đều, sản lượng ước đạt 11,4 triệu m3[5], tăng 4,5% so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc phòng cháy chữa cháy tại những địa phương có nguy cơ cháy rừng cao. Tuy nhiên, do thời tiết hanh khô, nắng nóng kéo dài, nhất là thời điểm Quý III nên vẫn xảy ra cháy tại Quảng trị, Quảng Ngãi, Bình Định,… Tính chung 9 tháng, diện tích rừng bị thiệt hại là 2.415 ha, gấp 1,8 lần so với cùng kỳ, trong đó diện tích rừng bị cháy khoảng 1.947 ha.

Đến ngày 30/8, cả nước đã thu được 1.880,9 tỷ đồng tiền dịch vụ môi trường rừng đạt 58,7% kế hoạch thu năm 2019, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2018.

d) Thủy sản

Sản xuất thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao. Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản ước đạt 169,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,13%; trong đó: nuôi trồng tăng 6,92%, khai thác tăng 4,98%.

Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng ước đạt khoảng ***5,97 triệu*** tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ; trong đó, khai thác đạt 2,85 triệu tấn, tăng 4,6%; nuôi trồng đạt

---

[4] *Kết quả trồng rừng thấp hơn do nắng nóng, một số tỉnh đang trong mùa vụ trồng rừng, có diện tích kế hoạch trồng rừng lớn nhưng thực hiện giảm, cụ thể: Bắc Kạn (giảm 1.222 ha); Lào Cai (giảm 1.123 ha); Điện Biên (giảm 1.054 ha); Quảng Ninh (giảm 1.601 ha); Thanh Hóa (giảm 3.418 ha); Hà Tĩnh (giảm 2.215 ha); Quảng Bình (giảm 2.722 ha); Quảng Nam (giảm 1.863 ha); Bình Thuận (giảm 1.513 ha); Gia Lai (giảm 1.647 ha).*

[5] Theo TCLN sản lượng khai thác ước đạt 14,65 triệu m^3

3,11 triệu tấn, tăng 6,3% (sản lượng tôm nuôi nước lợ ước đạt 563,2 nghìn tấn, tăng 7,9%; cá tra ước đạt 1.052,9 nghìn tấn tăng 7,3%).

Bộ tập trung chỉ đạo các địa phương chủ động đẩy mạnh sản xuất thủy sản, phát triển nuôi tôm với cơ cấu hợp lý, áp dụng hình thức nuôi phù hợp, đặc biệt đối với các đối tượng nuôi chủ lực (tôm sú, tôm thẻ, cá tra) để tăng năng suất, chất lượng thủy sản; hướng dẫn với các địa phương tăng cường công tác quản lý khai thác, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá; thực hiện quyết liệt các giải pháp khắc khắc phục cảnh báo thẻ vàng của EC về IUU.

đ) Sản xuất muối

9 tháng, diện tích sản xuất muối ước đạt ***13.380 ha*** (muối thủ công là 9.324 ha, muối công nghiệp là 4.056 ha); sản lượng ước đạt ***817,6 nghìn tấn***, giảm 9,3% so với cùng kỳ do thời tiết mưa bất thường xen kẽ trong vụ sản xuất. Lượng muối tồn trong dân và một số doanh nghiệp khoảng 374,6 nghìn tấn. Giá muối giữ ổn định so với tháng trước, Miền Bắc từ 1.200 – 1.800 đ/kg; miền Trung: Muối thủ công từ 600 – 1.400 đ/kg, muối công nghiệp từ 1.200 – 1.500 đ/kg; Nam Bộ từ 900 – 1.500 đ/kg.

2. Phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm

Toàn ngành đã tập trung thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tháo gỡ các rào cản thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu[6] và khuyến khích tiêu dùng nội địa. Nghiên cứu, đánh giá tổng quan thị trường một số mặt hàng thiết yếu (gạo, đường, thủy sản, thịt lợn) và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường giá cả.

Phối hợp và hỗ trợ các địa phương trong công tác giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản đặc sản địa phương[7]. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn thảo luận về các giải pháp trong sản xuất, chế biến, thúc đẩy tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tập trung tháo gỡ khó khăn với thị trường Trung Quốc, mở cửa các thị trường mới đối với nhiều sản phẩm xuất khẩu, như xoài vào Mỹ[8], Anh, Úc... tổ chức các hoạt động XTTM tại EU, Philippin, Hồng Kông, Ba Lan…

Nhờ vậy, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa 9 tháng ước đạt 53,2 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 30,02 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ. Tăng trưởng xuất khẩu 9 tháng chủ yếu đạt được từ tăng giá trị xuất khẩu lâm sản chính đạt 7,93 tỷ USD, tăng 18%; xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,53 tỷ USD, tăng 8,6%. Còn nhóm nông sản chính ước đạt 13,9 tỷ USD, giảm 7,2%; thuỷ sản ước đạt 6,23 tỷ USD, giảm 2%. Đã có 06 nhóm/sản phẩm có giá trị XK trên 02 tỷ USD, gồm: Gỗ và sản phẩm gỗ (7,5 tỷ USD, tăng 16,8%); cà phê (2,1

[6] Đã tập trung tháo gỡ các vướng mắc để thúc đẩy xuất khẩu một số mặt hàng như yến sào, sắn, trái cây, thủy sản... vào Trung Quốc. Phổ biến tới cộng đồng doanh nghiệp các thông tin, nghiệp vụ về ATTP, KDTV, các quy định kiểm soát xuất nhập khẩu NLTS tại thị trường Trung Quốc. Tiêu biểu như Nghị định thư cho mặt hàng sữa và sản phẩm sữa của Việt Nam

[7] Sơn La (mận, xoài), Lào Cai (trái cây, thủy sản), Bắc Giang (nhãn, vải), Đồng Tháp (thanh long, ổi, cam, chanh, xoài, nhãn khoai, dưa vàng, rau củ, các loại bún miến),... Phối hợp với địa phương tổ chức quảng bá giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng thông qua Hội chợ nông nghiệp và sản phẩm OCOP khu vực ĐBSCL tại Bến Tre; phiên chợ giới thiệu sản phẩm tại Cao Bằng, Bắc Giang,…

[8] Xoài trở thành loại quả tươi thứ 6 của Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sau vải, nhãn, chôm chôm, vú sữa và thanh long.

tỷ USD, giảm 21,8%), gạo (gần 2,24 tỷ USD, giảm 9,8%), hạt điều (2,4 tỷ USD, giảm 5,4%), rau, quả (2,15 tỷ USD, giảm 4,3%), tôm (2,4 tỷ USD, giảm 8,0%).

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt ***23,16 tỷ USD***, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2018; trong đó, nhập khẩu các mặt hàng phân bón, thuốc trừ sâu và các nông sản chính khoảng 19,37 tỷ USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ.

Thặng dư thương mại được duy trì đạt 6,86 tỷ USD (cao hơn 957 triệu USD so với cùng kỳ năm trước).

3. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai

Ngay từ đầu năm, Bộ đã thường xuyên theo dõi sát tình hình thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng, kịp thời tham mưu, tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy lợi nhằm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai. Đồng thời, đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình tu bổ đê điều, sửa chữa, nâng cao an toàn đập, xử lý cấp bách các hồ chứa, đặc biệt là 84 công trình thuộc gói hỗ trợ 500 tỷ đồng theo Quyết định 1207/QĐ-TTg ngày 19/9/2018.

Lũy kế 9 tháng, đã xảy ra 04 cơn bão; 04 đợt không khí lạnh gây rét hại; 49 trận mưa lớn gây lũ, ngập lụt,... Thiên tai làm 114 người chết và mất tích; 148 người bị thương; 56.656ha lúa và 13.597ha hoa màu bị ngập, hư hại; 17.660 ha cây trồng bị thiệt hại; hơn 2.500 con gia súc, 212.000 con gia cầm bị chết, cuốn trôi và hơn 3.000ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại; 133,5km đê kè bị sạt lở; 132km đường giao thông bị sạt lở và gần 586.000 m^3 đất đá, bê tông sạt lở. Tổng thiệt hại ước tính khoảng ***4.500 tỷ đồng***.

4. Đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng kế hoạch vốn năm 2019 được giao là 14.606 tỷ đồng; trong đó vốn trong nước 1.2462 tỷ đồng, vốn ODA 2.360 tỷ đồng, vốn TPCP 11.000 tỷ đồng. 9 tháng, khối lượng giải ngân ước đạt 7.368 tỷ đồng, bằng 50,5% kế hoạch năm (tỷ lệ giải ngân chưa tính 304 tỷ đồng mới được giao tháng 8/2019), cụ thể:

- Vốn ngân sách trong nước: Giải ngân đạt 780 tỷ đồng, bằng 63,1% KH.
- Vốn nước ngoài: Giải ngân đạt 1.038 tỷ đồng, bằng 40,3% KH.
- Vốn trái phiếu Chính phủ: Giải ngân đạt 5.550 tỷ đồng, bằng 40,3% KH.

5. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng NTM tiếp tục được tập trung chỉ đạo quyết liệt để phấn đấu về đích ngay trong năm 2019. Hướng dẫn các địa phương xây dựng và ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu; triển khai Đề án xây dựng nông thôn mới vùng đặc thù đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chỉ đạo, hướng dẫn 36 tỉnh triển khai Đề án "Hỗ trợ cho các thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững";

Tổ chức tổ chức thành công các Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo khu vực (Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây

Nguyên,…) Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng NTM", chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện MTQG xây dựng nông thôn mới và tổng kết 15 năm kinh tế tập thể.

Đến nay, cả nước đã có **4.554 xã (51,16%)** đạt chuẩn nông thôn mới (vượt mục tiêu cả năm 2019 là 50%); có ***91/664*** đơn vị cấp huyện (chiếm 13,7%) thuộc 36 tỉnh, thành phố được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (vượt 21 huyện so với mục tiêu cả năm 2019); bình quân cả nước đạt 15,32 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí. Có 48 tỉnh, thành phố ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; 22 tỉnh, thành phố đã ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Đến nay, đã có 45 Liên hiệp HTX nông nghiệp, 14.811 HTX nông nghiệp; phấn đấu đến hết năm 2019 sẽ có 11.250 HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm

Ngay từ đầu năm, Bộ đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm (ATTP) trong lĩnh vực nông nghiệp để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chất lượng, ATTP, thúc đẩy xuất khẩu nông sản. Đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, nhất là cho các đô thị lớn.

Đến nay, đã cấp 48.869 chứng thư/52.319 hồ sơ hợp lệ (đạt 93,4%) qua hệ thống 1 cửa quốc gia đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc, Hàn Quốc; 47.641 chứng thư/51.795 hồ sơ đăng ký đối với các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU qua hệ thống TRACES (đạt 91,97 %). Phát triển được **1.478 chuỗi** (tăng 660 chuỗi so với cùng kỳ năm 2018), **1.462 sản phẩm** (tăng 76 sản phẩm so với cùng kỳ năm 2018) và **3.267 địa điểm** bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi (tăng 705 địa điểm so với cùng kỳ năm 2018). Trong đó có một số tập đoàn lớn (Dabaco, Ba Huân, Saigon Coop, pSan Hà ....) tham gia mô hình chuỗi.

7. Các công tác khác

a) Kế hoạch, tài chính: Rà soát các nguồn vốn kết dư của các dự án để điều chỉnh linh hoạt kế hoạch vốn năm 2019 giữa các dự án; hoàn thiện dự thảo, trình Thủ tướng Chính phủ duyệt Chương trình tổng thể về phát triển ĐBSCL; xây dựng 3 báo cáo theo yêu cầu của Tiểu ban KT-XH về xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 – 2030; hoàn thiện dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Đề án an ninh lương thực,.. Quyết toán các đơn vị thuộc Bộ theo kế hoạch đã ban hành; tiếp tục thẩm tra quyết toán hoàn thành các dự án.

b) Khoa học công nghệ: 9 tháng, Bộ đặt hàng 36 đề tài, 10 dự án sản xuất thử và 52 đề tài khoa học và công nghệ tiềm năng triển khai thực hiện từ năm 2020; đã ban hành 05 QCVN, hoàn thiện để công bố 63 TC[9]. Lũy kế đến nay, ngành Nông nghiệp và PTNT có 1.001 TCVN và 217 QCVN thuộc các lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ; trong đó, có 481 TCVN và 82 QCVN phục vụ kiểm tra chuyên ngành.

c) Tổ chức cán bộ: Tiếp tục sắp xếp các tổ chức cấp phòng không có tư cách pháp nhân ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; tổng hợp danh mục vị trí việc làm khối cơ quan hành chính thuộc Bộ; tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 theo quy định của Nghị định 161/2018/NĐ-CP.

d) Hợp tác quốc tế: Chuẩn bị nội dung về thúc đẩy các hoạt động hợp tác song phương với Italia, Ấn Độ, Cuba, Anh; tiếp Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Ai-len; Quốc vụ khanh Bộ Nông nghiệp và dinh dưỡng CHLB Đức**.** Tìm hiểu các cơ hội hợp tác song phương trong nông nghiệp và thủy sản với Anh, Hoa Kỳ, Hàn Quốc,...

8. Một số tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, 9 tháng qua hoạt động của ngành vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc sau:

- Tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi thấp, chưa đạt được mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do tác động tiêu cực của thời tiết bất thường làm giảm diện tích gieo trồng và sản lượng cây hàng năm (đặc biệt là lúa, rau màu); ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch tả lợn Châu phi.

- Mặc dù, Bộ và các địa phương đã chủ động triển khai các giải pháp PCCCR, nhưng do thời tiết nắng nóng kéo dài nên vẫn xảy ra cháy rừng tại một số tỉnh miền Trung làm thiệt hại 1,9 nghìn ha rừng, gấp 5,4 lần diện tích bị thiệt hại năm 2018.

- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu NLTS có dấu hiệu chững lại; nguyên nhân chủ yếu do giá xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2018; kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường giảm, đặc biệt thị trường Trung Quốc (ước giảm 8%), EU (ước giảm 6,5%); giá và kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng: cà phê, gạo, hạt điều, sắn và các sản phẩm từ sắn, tôm, cá tra giảm sâu.

- Mặc dù, thời gian qua ngành thủy sản đã nỗ lực thực hiện các biện pháp để khắc phục các khuyến cáo của EC; nhưng tiến độ để giải quyết dứt điểm việc gỡ "Thẻ vàng" của EC đối với đánh bắt hải sản Việt Nam còn chậm, một số tỉnh chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá và hệ thống giám sát tàu cá theo yêu cầu,..

- Tỷ lệ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư của Bộ nhìn chung chưa đạt yêu cầu mà Chính phủ giao, nhất là các dự án vốn trái phiếu Chính phủ, ODA.

[9] Trồng trọt: 01 TC, Phân bón: 04 TC và 01 QC, BVTV: 14 TC, Thuỷ sản: 01 TC và 04 QC, Lâm nghiệp: 08 TC, Thú y: 23 TC, 02 TC, Chăn nuôi: 03 TC, Thuỷ lợi, Phòng chống thiên tai: 04 TC

- Khoảng cách chênh lệch về kết quả đạt chuẩn nông thôn mới giữa các vùng, miền còn khá lớn, nhiều vùng còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước, như Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên.

III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 10, QUÝ IV/2019

1. Trồng trọt

Tiếp tục theo dõi, chỉ đạo công tác chăm sóc, thu hoạch lúa Hè thu, Thu đông, Mùa tại các tỉnh phía Nam; chỉ đạo thu hoạch lúa Mùa, gieo cấy cây vụ Đông 2019 tại các tỉnh phía Bắc. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tập trung chăm sóc cây vụ Đông đúng kỹ thuật, nhất là nhóm cây chủ lực (ngô, đậu tương, khoai lang, khoai tây, rau đậu,.....); đa dạng hóa các nhóm cây khác có thị trường tiêu thụ tốt như dưa chuột bao tử, ớt, bí xanh, bí ngô, khoai tây chế biến và các loại nấm ăn, nấm dược liệu. Bố trí hợp lý cơ cấu nhóm cây ưa ấm, ưa lạnh và nhóm trung tính, các cây có giá trị kinh tế cao, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ.

Theo dõi tình hình sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả các tỉnh phía Nam, tình hình tái canh cà phê, điều, sâu bệnh hại trên hồ tiêu, điều và cây ăn trái các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng Bằng sông Cửu Long. Nắm bắt tình hình chuyển đổi đất lúa sang trồng cây ăn trái, tình hình sản xuất mía tại các tỉnh phía Nam. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh giống, phân bón thuốc bảo vệ thực vật, nhằm ngăn chặn tình trạng tăng giá và hàng kém chất lượng ảnh hưởng tới sản xuất.

Chuẩn bị tổ chức Hội nghị Sơ kết sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu 2019, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Thu Đông, Mùa 2019 các tỉnh thành phía Nam; Hội nghị Tái canh cà phê,...

2. Chăn nuôi

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh tả lợn Châu Phi, tai xanh, lở mồm long móng; Tăng cường chỉ đạo công tác khắc phục thiệt hại trên đàn lợn. Hướng dẫn các địa phương áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học để tái đàn, mở rộng quy mô đàn lợn ở các vùng, các cơ sở chưa có dịch và có đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học; chỉ đạo đẩy nhanh quy mô sản xuất và tăng trưởng chăn nuôi gia cầm và gia súc ăn cỏ.

Hoàn thành rà soát, điều chỉnh để trình phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại; tăng cường phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô lớn; khuyến khích tổ chức sản xuất chăn nuôi khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát chất lượng vật tư, an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, nhất là kiểm soát sử dụng chất cấm, việc lạm dụng kháng sinh và hóa chất công nghiệp trong thức ăn chăn nuôi.

Tiếp tục theo dõi, bám sát cung, cầu sản phẩm chăn nuôi, chỉ đạo sát phương án sản xuất kinh doanh bảo đảm đủ nguồn cung cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, nhất là trong dịp tết,..; hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức xây dựng

và thực hiện các đề án về chuỗi sản xuất thịt lợn, thịt gà an toàn dịch bệnh và triển khai giải pháp nhằm hạn chế tăng giá thức ăn chăn nuôi, giá nguyên liệu vật tư đầu vào cho sản xuất.

3. Thuỷ sản

Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết để kịp thời chỉ đạo các địa phương có hướng dẫn người nuôi áp dụng đồng bộ một số giải pháp về quản lý môi trường nước trong ao nuôi tôm, quản lý thức ăn và quản lý tác nhân gây bệnh góp, khuyến cáo người nuôi tôm tuân thủ lịch thời vụ để tránh dịch bệnh, giảm giá thành.

Tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng cá tra, tôm để cung cấp đủ nguyên liệu cho chế biến tiêu thụ trong nước và sẵn sàng tăng mạnh xuất khẩu khi nhu cầu thị trường được cải thiện, tạo đà cho các tháng đầu năm 2020.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các khuyến nghị mà Liên minh Châu Âu đưa ra đối với Việt Nam để lấy lại "thẻ xanh" và hướng tới phát triển thủy sản biển bền vững; Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra tình hình triển khai các giải pháp chống IUU tại các địa phương; tập huấn triển khai các khuyến nghị của Uỷ ban Châu Âu về IUU.

Nâng cao chất lượng khai thác; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi; đẩy mạnh hợp tác quốc tế để khai thác hải sản, đảm bảo gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo;

4. Lâm nghiệp

Chỉ đạo các địa phương tổ chức triển khai phương án PCCCR, chống chặt phá rừng mùa khô; Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, trồng rừng thay thế và thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý chặt chẽ chất lượng cây giống;

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1717/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/5/2019 của Bộ về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu; Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT. Triển khai các nội dung sau Hội nghị các quốc gia thành viên lần thứ 18 (CoP18); triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định của Nghị định 156/2018/NĐ-CP. Hoàn thiện hồ sơ chuyển giao Vườn quốc gia Yok Đôn, Vườn quốc gia Tam Đảo về địa phương quản lý;

6. Thủy lợi, phòng chống thiên tai

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn dòng chảy và nguồn nước hồ chứa; đôn đốc và hướng dẫn các địa phương thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn, xâm nhập mặn...; tăng cường kiểm tra và đảm bảo an toàn đê sông, đê biển, các công trình thuỷ lợi;

Đôn đốc các địa phương thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn đập; Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện Chỉ thị của Bộ về tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống lũ bão năm 2019 và Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ 2019; thực hiện Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 về hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện tại một số địa phương; Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Tổng hợp báo cáo đánh giá công trình hồ, đập sau mùa mưa lũ 2019.

Tổ chức Diễn tập ứng phó với bão mạnh, lũ lớn khu vực miền Trung tại các tỉnh/TP Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi dự kiến Thủ tướng Chính phủ chủ trì; chuẩn bị xây dựng Trung tâm điều hành PCTT quốc gia, chuẩn bị báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản

Thực hiện các nhiệm vụ của BCĐ thị trường, phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp theo dõi sát diễn biến cung cầu thị trường lương thực, thực phẩm, tình hình xuất nhập khẩu; tăng cường kiểm soát chặt tình hình nhập lậu vào thị trường nội địa; tích cực đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu, giữ ổn định các thị trường truyền thống, tìm kiếm và mở rộng các thị trường tiềm năng; hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Triển khai tích cực, khai thác hiệu quả cơ hội của các Hiệp định tự do thương mại đem lại, tăng cường các hoạt động phát triển thị trường. Nâng cao chất lượng thu thập, phân tích thông tin, dự báo thị trường, đặc biệt là những thị trường trọng điểm (Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc...), kịp thời cảnh báo các quy định về rào cản, vấn đề phát sinh có thể gặp đối với hàng xuất khẩu; tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông lâm thủy sản tại thị trường nước ngoài.

Tập trung tháo gỡ rào cản kỹ thuật, giải quyết vướng mắc sản phẩm thuỷ sản (đặc biệt đối với việc EU rút thẻ vàng các sản phẩm thuỷ sản Việt Nam, Chương trình Giám sát NK thủy sản SIMP của Mỹ), trái cây, hồ tiêu... với thị trường EU; Quảng bá sản phẩm thuỷ sản kết hợp giải quyết các vướng mắc, rào cản đối với sản phẩm gạo, thịt lợn, sữa, trái cây[10] với thị trường Trung Quốc; thuỷ sản, rau quả, cà phê đối với thị trường Nhật Bản; thuỷ sản, gỗ và sản phẩm gỗ, thịt gà chế biến, trứng gia cầm muối với Hàn Quốc.

Đẩy mạnh tiêu thụ NLTS tại thị trường trong nước; tiêu thụ kịp thời nông sản cho người dân, khắc phục tình trạng dư thừa, giá giảm gây thiệt hại cho người sản xuất; dự báo và phối hợp với các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ kịp thời nông sản chính (cam, thanh long...); xây dựng hình ảnh sản phẩm thông qua nâng cao chất lượng nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

[10] sầu riêng, chanh leo, bơ, bưởi, na, dừa, roi; thạch đen, khoai lang, tổ yến, măng cụt

8. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thanh, kiểm tra ATTP theo các Thông tư: Số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018, số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018; tiếp tục triển khai Chương trình giám sát tồn dư hóa chất, kháng sinh trong thủy sản nuôi, Chương trình giám sát vệ sinh ATTP vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, Chương trình giám sát ATTP đối với sản phẩm NLTS chế biến;

Tiếp tục xử lý các vấn đề thị trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu thủy sản; thực hiện kế hoạch lấy mẫu giám sát thực phẩm nông lâm thủy sản, đề xuất biện pháp xử lý, tổ chức thanh tra đột xuất. Đôn đốc, hỗ trợ các địa phương nhân rộng, mở rộng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc thông qua bao gói, ghi nhãn, dán tem truy xuất điện tử. Cập nhật danh sách chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn trên toàn quốc.

Thực hiện thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với phòng thử nghiệm được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước; tổ chức đánh giá, chỉ định, giám sát cơ sở kiểm nghiệm ATTP các tổ chức chứng nhận sự phù hợp theo quy định.

9. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục rà soát, tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình; hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai hiệu quả các Đề án xây dựng nông thôn mới đặc thù; Đề án thí điểm xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; Đề án "Hỗ trợ cho các thôn, bản, ấp thuộc các xã khó khăn nhất xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững"; Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới, Đề án 712 về môi trường; Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2019.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã; hoạt động về kinh tế trang trại; tình hình liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản; giảm nghèo, bố trí dân cư; tiếp tục thực hiện Đề án chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng Đề án Phát triển sản xuất, chế biến muối đến năm 2020 và năm 2030; Nghị quyết của Chính phủ về bố trí ổn định dân di cư tự do.

10. Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản

Khối lượng thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 còn tương đối lớn đặc biệt đối với nguồn vốn TPCP; các đơn vị cần tập trung, quyết liệt chỉ đạo tốt các giải pháp, chủ động rà soát lại kế hoạch tổng thể từng dự án để làm cơ sở đôn đốc thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2019, tạo tiền đề hoàn thành kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; Đôn đốc các chủ dự án, chủ đầu tư đẩy nhanh thực hiện, giải ngân đảm bảo kế hoạch theo tháng đã lập cho từng dự án; kiểm tra chất lượng thi công theo kế hoạch đã duyệt, đẩy nhanh thủ tục hoàn thành dự án và bàn giao cho đơn vị khai thác, vận hành; Theo dõi sát, điều hòa

vốn kế hoạch 2019 giữa các dự án. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương để triển khai đồng bộ, hiệu quả các dự án ODA tại các địa phương, các hợp phần đền bù giải phóng mặt bằng, đặc biệt các dự án TPCP để hạn chế phát sinh, tăng chi phí đền bù. Đôn đốc quyết liệt, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác GPMB, nhất là các dự án Mỹ Lâm, Tân Mỹ, EaH'Leo, Bản Lải, Ngòi Giành, Tiêu Nông Cống, Ia Mơr, Krông Pách...; Điều chỉnh dự án Tiêu úng vùng III huyện Nông Cống; Điều chỉnh thiết kế đường đầu cầu đập ngăn mặn sông Hiếu;…

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ đảm bảo chất lượng công trình xây dựng; đảm bảo an toàn công trình trước và trong mùa mưa lũ.

11. Các nhiệm vụ khác

- Kế hoạch, tài chính: Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025; Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để sớm giao bổ sung vốn trung hạn từ nguồn 10% dự phòng TPCP và vốn trong nước của Bộ để triển khai các dự án; bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để thực hiện công tác chuẩn bị cho giai đoạn 2021-2025 theo Luật Đầu tư công (sửa đổi). Thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách năm 2018.

- Hợp tác quốc tế: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương; rà soát tổng thể các chương trình dự án ODA và xây dựng kế hoạch trung hạn 2021 - 2025.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoạt động cải cách hành chính, thực hiện các nhiệm vụ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Chuẩn bị tốt chương trình, nội dung, báo cáo phục vụ các Hội nghị của Chính phủ như: Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW; Hội nghị Tổng kết 10 năm Chương trình mục tiêu quốc gia NTM, Hội nghị tổng kết 15 năm về kinh tế tập thể, Hội nghị toàn quốc về thúc đẩy công nghiệp chế biến và cơ giới hóa, Hội nghị tổng kết 10 năm về an ninh lương thực, Hoàn thiện nội dung về nông nghiệp, nông thôn trong dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 và kế hoạch phát triển 5 năm 2021 - 2025./.

Nơi nhận:
- VP Chính phủ (TH, NN);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Sở NN&PTNT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng uỷ cơ quan Bộ;
- Công đoàn cơ quan Bộ;
- VP (TT, TH);
- Lưu: VT, VP (15).

Website: www.omard.gov.vn

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Thời gian ký: 30/09/2019 17:27:29

Hà Công Tuấn